

Hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa là xu hướng tất yếu trong thời đại ngày nay. Hội nhập là một cơ hội cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xi măng Việt Nam khi cần nhập khẩu nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị hoặc khi xuất khẩu sản phẩm, mặt khác hội nhập cũng là một thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xi măng Việt Nam. Xét về khả năng cạnh tranh thì các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp kém hơn nhiều so với các đối thủ cạnh tranh từ các nước Thái Lan, Indonesia, Malaysia do những nguyên nhân chủ yếu như: suất đầu tư cao, trình độ quản lý kinh doanh thấp kém, chậm đổi mới, công nghệ sản xuất lạc hậu, giá thành sản xuất cao, mất cân đối giữa năng lực sản xuất và tiêu thụ cả về thời gian và không gian. Đứng trước những cơ hội và thách thức lớn lao như vậy ngành xi măng Việt Nam phải có những chiến lược và giải pháp đủ sức cạnh tranh, tồn tại và phát triển bền vững khi hội nhập AFTA.

1. Quá trình phát triển

Công nghiệp xi măng Việt Nam hình thành và phát triển bắt đầu từ năm 1899 bằng việc xây dựng nhà máy xi măng đầu tiên tại Hải Phòng. Từ năm 1924 đến năm 1980 đã xây dựng tiếp 9 lò

quay sản xuất theo phương pháp ướt với thiết bị của công ty F.L.Smidth Đan Mạch và Rumania cung cấp. Ở miền Nam, tại Hà Tiên – Kiên Giang, nhà máy xi măng Hà Tiên đã được lắp đặt năm 1964 với hai lò sản xuất theo phương pháp ướt (kích thước 3,3 m x 100 m) do hãng Venot-pic của Pháp cung cấp.

Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, Chính phủ quyết định xây dựng thêm các nhà máy xi măng mới có công suất lớn để đáp ứng cho nhu cầu tái thiết đất nước. Đầu tiên là nhà máy xi măng Bửu Sơn – tỉnh Thanh Hóa được đưa vào vận hành năm 1981 năng suất 1,2 triệu tấn xi măng/năm. Tiếp đó là nhà máy xi măng Hoàng Thạch – tỉnh Hải Hưng đã được xây dựng và vận hành vào năm 1983 với công nghệ lò quay sản xuất theo phương pháp khô đầu tiên, do Đan Mạch cung cấp, năng suất 1,1 triệu tấn xi măng/năm. Ngoài các nhà máy xi măng lò quay còn có một số nhà máy lò đứng do các địa phương, các ngành quản lý nằm rải rác ở các tỉnh.

Năm 1993 Chính phủ chỉ đạo triển khai chương trình cải tạo và đầu tư xi măng lò đứng để đạt công suất 3 triệu tấn năm trong giai đoạn 1993-1997. Hiện nay đã có 55 nhà máy lò đứng có công suất thiết kế từ 5.000 tấn đến 82.000 tấn/năm.

Từ năm 1992 một mô hình hợp tác

mới trong công nghiệp sản xuất xi măng ra đời đó là các liên doanh với các đối tác nước ngoài. Đến tháng 3.2002 đã có 5 liên doanh sản xuất xi măng đang hoạt động với tổng công suất là 7,61 triệu tấn. Nhìn chung các nhà máy liên doanh này đều được đầu tư công nghệ, trang thiết bị hiện đại, năng suất cao, sản lượng lớn.

Từ năm 2001 đến nay xuất hiện thêm mô hình đầu tư xây dựng do một số Tổng công ty nhà nước triển khai thực hiện như Tổng công ty xây dựng miền Trung, Tổng công ty xây dựng Sông Đà, Tổng công ty xuất khẩu xây dựng ... Đến năm 2001 tổng công suất cả nước đã đạt 13 triệu tấn clinker và 20,5 triệu tấn xi măng.

Với quá trình phát triển trên 100 năm, lịch sử của ngành công nghiệp xi măng Việt nam được đánh dấu bằng những sự đổi mới và phát triển rất nhanh cả về quy mô đầu tư, phương thức đầu tư, trình độ công nghệ sản xuất và đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng xi măng của xã hội theo từng giai đoạn lịch sử góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế chung của cả nước.

2. Hiện trạng

2.1 Đầu tư phát triển ngành

Đến nay có thể khẳng định chương trình đầu tư của Chính phủ là một chủ trương đúng và mang lại hiệu quả kinh tế xã hội lớn. Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, tốc độ đầu tư xi măng tăng nhanh. Do liên tục đầu tư phát triển nên sản lượng xi măng năm 2001 so với năm 1995 tăng gấp 2 lần, nếu so với sản lượng năm 1990 tăng gấp 4 lần. Tuy nhiên, đầu tư công nghiệp xi măng trong giai đoạn vừa qua có một số điểm cần rút kinh nghiệm như:

- Việc đầu tư nhằm giải quyết mối quan hệ cung - cầu xi măng giữa các vùng trong phạm vi toàn quốc chưa được coi trọng đúng mức.

- Chưa có các quy định cụ thể về điều kiện cần và đủ của một chủ đầu tư xây dựng nhà máy xi măng theo các quy mô công suất xác định, dẫn đến một số dự án phải chuyển đổi chủ đầu tư ngay trong giai đoạn mới bắt đầu triển khai do chủ dự án ban đầu không đủ năng lực thực hiện.

- Việc hình thành hệ thống các trạm tiếp nhận trung chuyển xi măng xá ở khu vực miền Trung và miền Nam còn quá ít.

Định hướng phát triển ngành công nghiệp xi măng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

Thạc sĩ MAI ANH TÀI

Công nghiệp xi măng Việt Nam hình thành và phát triển bắt đầu từ năm 1899 bằng việc xây dựng nhà máy xi măng đầu tiên tại Hải Phòng. Từ năm 1924 đến năm 1980 đã xây dựng tiếp 9 lò quay sản xuất theo phương pháp ướt với thiết bị của công ty F.L.Smidth Đan Mạch và Rumania cung cấp. Ở miền Nam, tại Hà Tiên – Kiên Giang, nhà máy xi măng Hà Tiên đã được lắp đặt năm 1964 với hai lò sản xuất theo phương pháp ướt (kích thước 3,3 m x 100 m) do hãng Venot-pic của Pháp cung cấp.

Đầu tư phương tiện vận tải chuyên dùng chưa được chú trọng thích đáng.

Quy mô đầu tư: trong giai đoạn vừa qua quy mô đầu tư tương đối đa dạng. Có thể phân thành 3 quy mô đầu tư như sau:

- Quy mô lớn: công suất thiết kế từ 3.000 tấn clinker/ngày trở lên.

- Quy mô vừa: công suất thiết kế từ 1.000 đến dưới 3.000 tấn clinker/ngày.

- Quy mô nhỏ: công suất thiết kế dưới 1.000 tấn clinker/ngày.

Sự đa dạng về quy mô như vậy phù hợp với địa hình Việt Nam và mức độ huy động tài chính, trình độ quản lý, khai thác của ta.

vụ cho công cuộc xây dựng đất nước; góp phần tăng trưởng GDP quốc gia: ngành công nghiệp xi măng đóng góp khoảng 9-11% trong tổng đóng góp vào GDP của khối công nghiệp; và tạo việc làm cho trên 40.000 lao động.

Trình độ công nghệ: Tuy không tự chế tạo được máy móc công nghệ nhưng nói chung hầu hết các thiết bị công nghệ khi mua đều đạt trình độ trung bình tiên tiến của thế giới.

2.2 Tình hình tiêu thụ xi măng trong những năm qua

Thống kê mức độ tiêu thụ xi măng từ năm 1995 đến nay thấy mức độ tiêu thụ xi măng ở Việt Nam luôn tăng, kể cả

măng đặc biệt. Việc cạnh tranh trên thị trường xi măng Việt Nam chưa thực sự khốc liệt do tình trạng cung không đủ cầu trong nhiều năm qua. Do vậy yêu cầu về trình độ marketing chưa trở thành bức thiết, nên các doanh nghiệp kinh doanh xi măng chưa chú trọng nhiều đến thông tin quảng cáo, giữ vững thị trường đã có và mở rộng thêm thị trường mới, cũng như thực hiện các dịch vụ sau bán hàng.

3. Dự báo về nhu cầu xi măng

3.1 Dự báo cầu xi măng các nước trong châu lục và khu vực

Dự báo trong 5-10 năm tới nhu cầu xi măng tại châu Á tiếp tục tăng trưởng và nhu cầu tiêu thụ vào năm 2005 là 1.050 triệu tấn chiếm tỷ lệ 58,3% và đến năm 2010 là 1.200 triệu tấn và chiếm tỷ lệ 60,3% lượng xi măng tiêu thụ toàn thế giới.

Nhu cầu xi măng châu Á rất lớn vì khu vực này đang trong quá trình phát triển. Trong đó lượng xi măng tiêu thụ tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Á gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Đài Loan là các nước có trình độ phát triển kinh tế cao so với phần khác của châu Á, đồng thời nơi đây cũng tập trung nhiều nhà máy sản xuất xi măng lớn.

Theo báo cáo của Hiệp hội xi măng Đông Nam Á (AFCM) tháng 5.2000 thì nhu cầu xi măng của các nước trong khu vực được dự báo đến năm 2010, như sau:

Bảng 2: Nhu cầu xi măng ở các nước Asean

Đơn vị: Triệu tấn

Nước	Năm 2005	Năm 2010
Thái Lan	25 -30	40-45
Indonesia	30 -33	40-45
Malaysia	16	23-25
Singapore	6	7
Philippin	15	21
Brunei	0,5	0,8
Myanma	3,55	4,4
Campuchia	1,2	1,5
Lào	0,4	0,7

Nguồn: CCBM

3.2 Dự báo nhu cầu xi măng Việt Nam

Nhu cầu xi măng của Việt Nam đến năm 2010 đã được dự báo dựa trên

Bảng 1: Lượng tiêu thụ xi măng Việt Nam trong thời gian 1995 -2001

Đơn vị: triệu tấn

Danh mục	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
Tổng công ty xi măng VN	4,965	5,522	5,970	5,646	5,469	6,456	7,242
Lò đứng và trạm nghiền	1,103	1,506	1,905	2,374	2,933	3,792	3,890
Liên doanh	0	0	0,970	1,927	2,600	3,663	5,247
Nhập khẩu	0,738	1,077	0,455	0,5	0,3	0,5	1,33
Tổng cộng	6,81	8,105	9,30	10,45	11,30	14,41	17,71

Nguồn: CCBM

Tốc độ đầu tư: Trong thời gian qua, tốc độ hoàn thành các dự án đầu tư để đi vào khai thác thường bị chậm. Có 3 nguyên nhân làm chậm các dự án là: trình độ quản lý triển khai dự án, tốc độ giải quyết tài chính và các thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng.

Suất đầu tư: Kinh phí đầu tư cho một tấn công suất xi măng ở nước ta (khoảng 125-135 USD/ tấn công suất) còn cao so với các nước trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên các dự án triển khai gần đây suất đầu tư đang có xu thế giảm dần do giảm được chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài nhà máy và tập trung thi công đảm bảo tiến độ để giảm chi phí lãi vay trong thời gian thi công.

Khả năng huy động vốn đầu tư: Năm 1998 tới nay tỷ trọng huy động vốn từ ngân hàng nước ngoài so với vốn vay trong nước đã giảm nhiều. Trong thời điểm hiện nay đa phần các dự án đều sử dụng các nguồn vay trong nước ngoài phần vốn tự có của chủ đầu tư.

Hiệu quả đầu tư: Việc đầu tư cho công nghiệp xi măng trong giai đoạn vừa qua đã mang lại hiệu quả kinh tế xã hội khá lớn: Tạo ra sản phẩm xi măng phục

trong những năm khủng hoảng kinh tế trong khu vực ASEAN.

Đặc điểm tiêu thụ xi măng trong thời gian qua là:

- Nhà nước giữ vai trò điều tiết vĩ mô nhằm bình ổn giá cả thị trường.

- Chưa xuất hiện việc bán xi măng qua mạng Internet.

- Các công ty liên doanh với nước ngoài đều tổ chức tiêu thụ sản phẩm thông qua các nhà phân phối. Các công ty này lựa chọn mỗi tỉnh, thành phố và một số nhà phân phối đủ khả năng tài chính, có kinh nghiệm kinh doanh xi măng, có mạng lưới để làm chức năng bán hàng cho công ty. Đây là phương thức bán hàng chuyên môn hóa cao, tận dụng được các ưu thế của nhà phân phối do am hiểu thị trường, tập quán thị hiếu của người tiêu dùng, có kinh nghiệm bán hàng và quy tụ được mạng lưới bán lẻ trong quỹ đạo của người phân phối và nhất là huy động được tiềm năng về vốn nên đã tiêu thụ được nhiều sản phẩm.

Nhìn chung, thị trường xi măng xi măng Việt Nam còn nghèo nàn về chủng loại hàng hóa, ngoài sản phẩm xi măng PCB30, một ít xi măng PCB40 và xi măng bền sun fat thì không có loại xi

ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế - xã hội, đồng thời tham khảo kết quả tính toán của dự án quy hoạch tổng thể ngành công nghiệp vật liệu xây dựng và quy hoạch phát triển ngành xi măng do Công ty tư vấn Ramboll của Đan Mạch thực hiện để tổng hợp và lựa chọn. Dự báo nhu cầu xi măng của Việt Nam được lựa chọn như sau:

Đơn vị : triệu tấn

Năm	Nhu cầu xi măng	Năm	Nhu cầu xi măng
2003	22,60	2008	40,10
2004	25,70	2009	44,20
2005	29,10	2010	48,60
2006	32,60	2015	64,00
2007	36,50	2020	69,00

Nguồn : Công ty xi măng Hà Tiên 1

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu và quan điểm phát triển

Mục tiêu phát triển

Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định 164/2002/ QĐ-TTg ngày 18.11.2002 về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh phát triển ngành công nghiệp xi măng, trong đó đề ra mục tiêu phát triển ngành xi măng là: thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng xi măng phục vụ cho xây dựng và phát triển kinh tế đồng thời dành một phần để xuất khẩu từng bước đưa ngành xi măng Việt Nam trở thành một ngành công nghiệp mạnh, có công nghệ hiện đại đủ khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới góp phần tăng trưởng GDP và thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Quan điểm phát triển

Về đầu tư: Phát triển công nghiệp xi măng phải đảm bảo hiệu quả kinh tế, sản phẩm có tính cạnh tranh ngày càng cao trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực, sử dụng hợp lý, bảo vệ môi trường sinh thái, di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan và an ninh, quốc phòng. Ưu tiên đầu tư các dự án có công suất 1 triệu tấn /năm trở lên.

Về công nghệ: Sử dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, tự động hóa mức độ cao, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm tối đa nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, đồng thời khuyến khích việc sản xuất, gia công máy móc, thiết bị và linh kiện chế tạo trong nước, đảm bảo các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm theo

tiêu chuẩn Việt nam và quốc tế, phổ cập sản xuất xi măng mác PCB 40.

Về quy mô công suất: Ưu tiên phát triển các dự án đầu tư có công suất lớn và vừa.

Về vốn đầu tư: Huy động tối đa vốn đầu tư trong nước. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư để các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư sản xuất xi măng. Đối với các dự án mới nên thực hiện hình thức cổ phần, trong đó Tổng công ty nhà nước giữ cổ phần chi phối.

Về bố trí quy hoạch: Xây dựng các cơ sở sản xuất xi măng phải trên cơ sở cân đối nhu cầu thị trường trong nước, thị trường khu vực, nguồn tài nguyên, điều kiện hạ tầng, khả năng huy động vốn đầu tư, trình độ năng lực của chủ đầu tư, khả năng hỗ trợ của các ngành để có thể xác định hợp lý quy mô, địa điểm, chủng loại sản phẩm và thời gian thực hiện đầu tư.

Về phối hợp các ngành: Cần tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các ngành và các lĩnh vực liên quan như : cơ khí, giao thông vận tải, cung ứng vật tư kỹ thuật, giáo dục đào tạo.

4.2 Định hướng phát triển

Trong giai đoạn 2003 đến 2005: cần tập trung khai thác tối đa năng lực sản xuất của các nhà máy đang sản xuất, đẩy mạnh tiến độ đưa vào khai thác các dự án đã khởi công và chuẩn bị đầu tư một số dự án mới để đưa và khai thác ở giai đoạn sau. Khả năng sản xuất tối đa đến năm 2010 như sau:

Đơn vị : Triệu tấn

Năm	Sản lượng	Năm	Sản lượng
2003	17,75	2007	34,90
2004	18,75	2008	41,60
2005	22,05	2009	45,85
2006	27,80	2010	49,45

Qua số liệu trên, cân đối với dự báo nhu cầu cho thấy trong giai đoạn từ nay đến năm 2005 vẫn phải nhập khẩu clinker của nước ngoài để cung cấp cho các trạm nghiền.

Giai đoạn 2006-2010 : Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ theo hiệp định CEPT, nên clinker và xi măng của các nước trong khu vực sẽ có điều kiện thâm nhập vào thị trường nước ta. Vì vậy để thực hiện mục tiêu thỏa mãn nhu cầu xi măng trong nước, chúng ta phải tăng cường đầu tư để đưa nhanh các nhà máy vào hoạt động, tiếp cận kịp thời với thị trường trong nước tạo tiền đề cho việc

cạnh tranh với các sản phẩm xi măng của các nước trong khu vực.

Giai đoạn sau năm 2010 : dự báo tốc độ tăng trưởng tiêu thụ xi măng giai đoạn 2011 đến năm 2015 từ 5 đến 8%. Từ năm 2016 trở đi tốc độ tăng trưởng hàng năm khoảng 2,5 đến 3 %. Sản xuất trong nước đến năm 2015 có thể đạt 64 triệu tấn trong khi tiêu thụ xi măng năm 2020 là 69 triệu như vậy so với nhu cầu còn thiếu 5 triệu tấn. Để đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn này cần tiếp tục phát huy hết năng lực sản xuất của các nhà máy đã được đầu tư ở giai đoạn trước. Đồng thời, xây dựng mới một số nhà máy có điều kiện về nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

4.3 Một số giải pháp nhằm thực hiện định hướng phát triển ngành công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2020

Về sản xuất:

- Cần nâng cao năng suất lao động, nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm, trong đó chú trọng việc sản xuất clinker mác cao. Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm. Phát huy nội lực, giảm chi phí đầu tư, giảm chi phí vật tư thiết bị, nguyên liệu nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm chi phí để giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh.

- Tiếp tục đầu tư nghiên cứu để làm chủ công nghệ. Cùng với việc nghiên cứu khoa học công nghệ tiếp tục nghiên cứu cải tiến phương pháp quản lý điều hành sản xuất theo hệ thống quản lý điều hành quản lý môi trường theo ISO 14000 giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Cần thống nhất quy định tiêu chuẩn sản phẩm sản xuất. Hiện nay trên thế giới tồn tại rất nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Sự không thống nhất này gây ra những khó khăn trong kiểm tra chất lượng xi măng và đánh giá nó theo tiêu chuẩn khi thiết kế các loại vữa bê tông, xác định quy phạm xây dựng đặc biệt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, xuất nhập khẩu, sử dụng xi măng. Vì vậy khi đã hội nhập kinh tế quốc tế cần phải thống nhất vào một tiêu chuẩn chung.

Về đầu tư phát triển:

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách về đầu tư xi măng bao gồm thủ tục lập, duyệt dự án, quy trình đấu thầu chọn thầu, chỉ định thầu, phê duyệt kết quả đấu thầu, thủ tục cho vay

vốn v.v... Các thủ tục này phải thông thoáng hơn, gọn nhẹ hơn.

- Lựa chọn địa điểm xây dựng nhà máy phải phù hợp với khả năng tiêu thụ của thị trường, phải đảm bảo trữ lượng, chất lượng các mỏ nguyên liệu và cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

- Đầu tư phát triển xi măng phải gắn liền với việc: Nâng cao năng lực ngành cơ khí chế tạo. Phát triển hệ thống giao thông. Làm tốt công tác điều tra, khảo sát các mỏ nguyên liệu. Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân cho ngành xi măng.

Về phương thức kinh doanh:

- Luôn luôn nắm bắt thông tin khu vực và thế giới về lĩnh vực đầu tư, sản xuất, thị trường xi măng để điều chỉnh các kế hoạch chính sách của mình phù hợp với tình hình.

- Nghiên cứu khả năng mở rộng thị trường sang các nước láng giềng và các nước khác trên thế giới. Song song với việc mở rộng thị trường tiêu thụ, cần có biện pháp hữu hiệu để ngăn cấm nhập lậu xi măng trái phép, trốn thuế và đưa hàng chất lượng thấp vào Việt Nam.

- Phương thức kinh doanh trong những năm tới vẫn phải đảm bảo hai mục tiêu là hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm bình ổn thị trường. Các doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh xi măng vẫn phải chịu trách nhiệm bình ổn thị trường và thực hiện 3 loại hình phân phối: một là bán qua các chi nhánh của mình ở các địa bàn được thị trường chấp nhận, hai là bán qua các công ty kinh doanh, ba là bán qua hệ thống các nhà phân phối, các đại lý. Các liên doanh bán hàng tại nhà máy, khâu quản lý hàng hóa, giá cả, thị trường do các nhà phân phối chính đảm nhiệm. Trong những năm tới Nhà nước tăng cường công tác điều tiết vĩ mô thông qua các công cụ kinh doanh, hạn ngạch thuế quan, chống độc quyền và bán phá giá hoàn thiện công cụ chính sách kinh doanh bình đẳng đối với doanh nghiệp lấy hiệu quả kinh doanh là chính. Việc bình ổn thị trường cần phải giao trách nhiệm chung cho tất cả các doanh nghiệp cùng phối hợp thực hiện thông qua Bộ quản lý nhà nước, hoặc hiệp hội chuyên ngành.

- Xây dựng và đăng ký thương hiệu sản phẩm xi măng Việt Nam với thị trường quốc tế.

Quản lý giá xi măng:

Mặt hàng xi măng của hầu hết trong khu vực đã hoàn thành vai trò lịch sử trong thời kỳ xây dựng cơ sở hạ tầng.

lao động bổ sung cho sản xuất xi măng trong những năm tới được tính toán như sau:

Đơn vị : người

	2001-2005	2006-2010	2001-2010
- Trung cấp và công nhân lành nghề	1.333	6.230	7.565
- Công nhân, nhân viên	255	1.190	1.445
- Cán bộ kỹ thuật và quản lý có trình độ đại học trở lên	765	3.570	4.335
Cộng	2.355	10.990	13.345

Chính phủ các nước này không tham gia quản lý trực tiếp giá xi măng, trách nhiệm bình ổn giá cả và thị trường do các tập đoàn sản xuất và kinh doanh tự điều chỉnh thông qua quy luật cung cầu. Ở Việt Nam, hầu hết các nhà máy xi măng đều do vốn của Nhà nước đầu tư và quản lý trực tiếp hơn thế nữa trong từng thời điểm, từng khu vực vẫn có sự mất cân đối cung - cầu. Do đó về mặt quản lý giá hiện nay Nhà nước chưa thể phó thác cho thị trường. Nhà nước vẫn dùng giá cả làm công cụ điều tiết thị trường, định hướng đầu tư, sản xuất, tiêu dùng...

Nhu cầu về vốn đầu tư và nguồn nhân lực:

Nhu cầu về vốn cho đầu tư phát triển ngành xi măng từ nay đến 2005 rất lớn. Nhưng đến năm 2006 nhu cầu vốn đầu tư giảm dần, từ năm 2010 trở đi nhu cầu vốn mỗi năm khoảng 400 triệu USD. Dựa vào tiến độ xây dựng các nhà máy, tính toán nguồn vốn đầu tư cần huy động cho từng năm như sau :

	Nhu cầu vốn Triệu USD
2003	510,61
2004	1.202,38
2005	1.137,97
2010	400

Với nhu cầu vốn lớn như vậy, ngành xi măng cần phải huy động mọi nguồn vốn để đầu tư phát triển, bao gồm: vốn tín dụng, trái phiếu công trình, vốn tự có, vốn cổ phần... và vốn đầu tư 100% của nước ngoài cho các công trình quá khó khăn mà trong nước không quyết được. Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp cổ phần để đầu tư xây dựng nhà máy ngay từ khi hình thành dự án.

Bên cạnh nhu cầu về vốn, ngành xi măng cũng cần hết sức chú trọng đến việc bổ sung nguồn nhân lực. Nhu cầu

Để đảm bảo nguồn nhân lực cho sản xuất và kinh doanh xi măng cần phải đẩy mạnh đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề. Thực hiện việc ký kết hợp đồng đào tạo giữa ngành xi măng với các trường đại học. Bên cạnh đào tạo phải hết sức quan tâm đến đào tạo lại, cập nhật kiến thức mới phù hợp với tình hình phát triển của công nghệ sản xuất và khoa học quản lý. Cùng với việc đào tạo trong nước cần phải đẩy mạnh đào tạo ở nước ngoài, đặc biệt là công tác quản lý, điều hành dự án và tiêu thụ sản phẩm.

Quản lý hoạt động ngành:

Hiện nay ở nước ta có hai loại hình sản xuất và kinh doanh xi măng: một là loại hình do nhà nước đầu tư vốn toàn bộ, loại hình thứ hai là Nhà nước góp vốn liên doanh với tư nhân bao gồm cả liên doanh với nước ngoài. Hai loại hình này cùng sản xuất và kinh doanh xi măng trên cùng một thị trường nhưng lại không cùng "sân chơi" bình đẳng.

Trong những năm tới Chính phủ cần tập trung xây dựng Tổng công ty xi măng Việt Nam từng bước trở thành tập đoàn kinh tế mạnh có khả năng đầu tư dây chuyền công nghệ mới hiện đại, công suất lớn, có cụm dây chuyền sản xuất với tổng công suất cao. Tổng công ty xi măng phải giữ vai trò quan trọng vào việc bình ổn thị trường xi măng trong nước, phấn đấu đến năm 2010 Tổng công ty xi măng Việt Nam có được khoảng 60% thị phần trong nước.

Bên cạnh đó khuyến khích các doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế có đủ năng lực về quản lý, công nghệ, quản lý, tài chính, thị trường... đầu tư các dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại ■